Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8476.29.00

Mã HS	8476.29.00
Mô tả hàng hóa	Máy bán hàng hóa tự động (ví dụ, máy bán tem bưu điện, máy bán thuốc lá, máy bán thực phẩm hoặc đồ uống), kể cả máy đổi tiền / - Máy bán đồ uống tự động: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 14:20:38
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84762900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14409
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14409
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14409
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13756
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13697
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13697
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13697
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13697
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13697
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13697
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13751
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13751

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13751
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13751
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13751
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13751
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13752
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13752
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13752
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13752
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13752
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13752
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13755
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13703
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13711
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13711
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13711
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13711
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13711
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13711
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13742
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13742
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13742
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13742
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13742
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13742
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13791
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13791

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13791
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13791
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13791
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13791
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13774
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13774
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13774
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13774
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13774
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13774
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13774
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13774
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13774
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13774
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13774
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13774
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13789
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13789
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13789
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13789
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13789
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13789
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13788
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13788
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13788
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13788

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13788
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13788
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13768
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13768
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13768
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13768
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13768
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13768
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13768
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13776
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13776
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13776
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13776
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13776
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13776
RCEP B	2022	2022	0	B!D13776
RCEP B	2023	2023	0	B!E13776
RCEP B	2024	2024	0	B!F13776
RCEP B	2025	2025	0	B!G13776
RCEP B	2026	2026	0	B!H13776
RCEP B	2027	2027	0	B!I13776
RCEP C	2022	2022	0	C!D13776
RCEP C	2023	2023	0	C!E13776
RCEP C	2024	2024	0	C!F13776
RCEP C	2025	2025	0	C!G13776
RCEP C	2026	2026	0	C!H13776

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13776
RCEP D	2022	2022	0	D!D13775
RCEP D	2023	2023	0	D!E13775
RCEP D	2024	2024	0	D!F13775
RCEP D	2025	2025	0	D!G13775
RCEP D	2026	2026	0	D!H13775
RCEP D	2027	2027	0	D!I13775
RCEP E	2022	2022	0	E!D13779
RCEP E	2023	2023	0	E!E13779
RCEP E	2024	2024	0	E!F13779
RCEP E	2025	2025	0	E!G13779
RCEP E	2026	2026	0	E!H13779
RCEP E	2027	2027	0	E!I13779
RCEP F	2022	2022	0	F!D13776
RCEP F	2023	2023	0	F!E13776
RCEP F	2024	2024	0	F!F13776
RCEP F	2025	2025	0	F!G13776
RCEP F	2026	2026	0	F!H13776
RCEP F	2027	2027	0	F!I13776
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12788
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12788
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12788
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12788

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8476.29.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8476.29.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14409), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.